

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: .../2022/HNGĐ - ST
Ngày 28-02-2022
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 10, ấp BC, xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn V, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 10, ấp BC, xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn V chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nay, cảm thấy cuộc sống vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Đỗ Văn V.

Về con chung: Bà và ông Đỗ Văn V có 01 người con chung tên Đỗ Khôi V1, sinh ngày 27/11/2015. Khi ly hôn bà T giao con chung cho ông Đỗ Văn V nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong bản tự khai bị đơn ông Đỗ Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Thanh T chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nay, cảm thấy cuộc sống vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 người con chung tên Đỗ Khôi V1, sinh ngày 27/11/2015. Khi ly hôn ông V xin được nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phân thủ tục, phân tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đỗ Văn V chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà T và ông V đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 người con chung tên Đỗ Khôi V1, sinh ngày 27/11/2015. Khi ly hôn ông V xin được nuôi con, bà T cũng thống nhất giao con chung cho ông V nuôi dưỡng. Nên, đề nghị HĐXX giao con chung cho ông V nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn V, bị đơn ông V hiện cư trú tại ấp BC, xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đỗ Văn V chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà T và ông V đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Tại bản tự khai bị đơn cũng thống nhất việc mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Nên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 người con chung tên Đỗ Khôi V1, sinh ngày 27/11/2015. Khi ly hôn ông V xin được nuôi con, bà T cũng thống nhất giao con chung cho ông V nuôi dưỡng. Nên, HĐXX giao con chung cho ông V nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Đỗ Văn V về việc “Ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Đỗ Văn V.

3. Về con chung: Giao con chung Đỗ Khôi V1, sinh ngày 27/11/2015 cho ông Đỗ Văn V trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007885 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- UBND xã AL (Số 18, Quyển số 01/2015);
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh

